

Số: 54/2026/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2026/QH16 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD, Thông tư số 24/2026/TT-BXD;

Căn cứ Thông tư số 71/2024/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án



đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quyết định Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2026 và thay thế Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quyết định này bãi bỏ Điều 2 của Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về trợ giá và giá vé các tuyến xe buýt có trợ giá từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *thao*

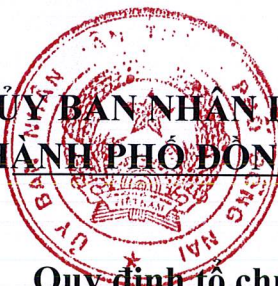
Nơi nhận: *thao*

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, KTN, KTNS. (130b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Hà



QUY ĐỊNH

**Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách
công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **54** /2026/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.
- Các đơn vị điều hành điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt.
- Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt.
- Hành khách đi xe buýt.

Chương II PHƯƠNG TIỆN VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG PHỤC VỤ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 3. Phương tiện tham gia vận tải hành khách công cộng

- Phương tiện tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai phải đảm bảo các quy định tại Điều 17 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD.
- Niêm yết đầy đủ thông tin theo đúng quy định, khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện niêm yết thông tin bằng thiết bị điện tử.
- Trên xe phải lắp thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh theo quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP.
- Dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh trên xe buýt phải được truyền dẫn về Hệ thống thông tin, quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của thành phố Đồng Nai theo hướng dẫn của Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

Điều 4. Kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt là các công trình phục vụ cho hoạt động khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bao gồm: đường dành riêng cho xe buýt; điểm đầu; điểm cuối; điểm dừng; biển báo; nhà chờ; điểm trung chuyển; bãi đỗ xe buýt; trạm điều hành; trạm bảo dưỡng sửa chữa; trạm cung cấp năng lượng cho xe buýt.

2. Điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt phải đảm bảo các quy định tại Điều 18 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

3. Sở Xây dựng quyết định tiêu chí kỹ thuật, vị trí điểm đầu, điểm cuối và điểm dừng của các tuyến xe buýt trên địa bàn thành phố.

4. Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Nguồn vốn đầu tư xây dựng, sửa chữa, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được bố trí từ ngân sách thành phố theo khả năng cân đối hàng năm và nguồn vốn khác hoặc xã hội hóa.

b) Sở Xây dựng thực hiện chức năng làm chủ đầu tư hoặc giao nhiệm vụ cho Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng thực hiện chức năng làm chủ đầu tư xây dựng, sửa chữa, quản lý và duy tu bảo dưỡng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

5. Xe buýt được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ để đón, trả khách tại các bến xe, nhà ga, sân bay, bến cảng, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch, địa điểm văn hóa, thể thao, trung tâm thương mại, đầu mối giao thông và các địa điểm kết nối với các phương thức vận tải khác; được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 5. Xây dựng và công bố danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế xã hội, hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố và nhu cầu đi lại của người dân để xây dựng danh mục mạng lưới tuyến xe buýt nội tỉnh và liên tỉnh trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt.

2. Căn cứ kết quả phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng thực hiện công bố danh mục mạng lưới tuyến xe buýt nội tỉnh và liên tỉnh trên địa bàn thành phố theo quy định.

3. Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng tổ chức triển khai, phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố theo danh mục mạng lưới tuyến đã được phê duyệt và công bố.

4. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan điều chỉnh, bổ sung danh mục mạng lưới tuyến xe buýt và triển khai thực hiện cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn thành phố và nhu cầu đi lại của người dân. Định kỳ hàng năm, Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung danh mục mạng lưới tuyến xe buýt (nếu có).

Điều 6. Công bố mở tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Việc công bố mở tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

2. Đối với các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách thành phố, Sở Xây dựng công bố mở tuyến sau khi thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích theo phương án được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Sở Xây dựng thực hiện công bố mở tuyến xe buýt trên Trang thông tin điện tử của Sở và trên Hệ thống thông tin, quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của thành phố Đồng Nai.

Điều 7. Quản lý vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Sở Xây dựng tổ chức đặt hàng khai thác đối với các tuyến xe buýt không được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách thành phố; đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố theo phương án được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giá.

2. Sở Xây dựng quyết định giao đảm nhận nhiệm vụ khai thác tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trúng thầu hoặc được đặt hàng. Quyết định giao đảm nhận nhiệm vụ khai thác tuyến có thời hạn theo kết quả đấu thầu hoặc đặt hàng nhưng không quá 05 năm.

Sở Xây dựng chỉ đạo Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng ký hợp đồng khai thác tuyến với đơn vị kinh doanh vận tải trúng thầu hoặc được đặt hàng. Trong hợp đồng phải thể hiện rõ phương án khai thác tuyến, bao gồm: Tên tuyến, số hiệu tuyến, nhãn hiệu xe, sức chứa của xe, giá vé, biểu đồ chạy xe trên tuyến, thời hạn hợp đồng.

3. Sở Xây dựng quyết định điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe đối với các tuyến xe buýt theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 20 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng điều chỉnh tạm thời hành trình chạy xe các tuyến xe buýt trong thời gian sửa chữa cầu, đường giao thông, có sự thay đổi về tạm thời tổ chức giao thông; điều chỉnh tạm thời biểu đồ chạy xe trong những ngày lễ, tết, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, trong trường hợp thiên tai, bão lụt hoặc trong trường hợp bất khả kháng khác.

4. Quyết định điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe được công bố trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng, các phương tiện thông tin đại chúng và Hệ thống thông tin, quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của thành phố Đồng Nai chậm nhất 10 ngày trước khi thực hiện.

5. Việc ngừng khai thác trên tuyến, đóng tuyến xe buýt; bổ sung xe, thay thế xe buýt khai thác trên tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD. Xe bổ sung, thay thế phải đảm bảo các quy định tại Điều 3 Quy định này.

Điều 8. Vé xe buýt

1. Vé xe buýt có 2 loại: Vé lượt và vé bán trước.

a) Vé lượt là chứng từ để hành khách sử dụng đi một lượt trên một tuyến xe buýt.

b) Vé bán trước (vé tháng, vé tập) là chứng từ để hành khách sử dụng đi lại thường xuyên trong thời gian một tháng hoặc dài hơn trên một hoặc tuyến xe buýt.

2. Vé xe buýt do các đơn vị kinh doanh vận tải tự in ấn, quản lý và phát hành theo quy định chung về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Riêng vé xe buýt đối với các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách thành phố do Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng phát hành.

3. Khuyến khích ứng dụng công nghệ vé thông minh có kết nối đa phương thức, đa dạng hóa hình thức thanh toán và loại vé phù hợp với nhu cầu của hành khách.

4. Giá vé trên các tuyến xe buýt

a) Đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí: Do Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

b) Đối với tuyến xe buýt không trợ giá: Do đơn vị kinh doanh vận tải kê khai theo quy định của pháp luật về giá, được áp dụng sau khi đơn vị kinh doanh vận tải hoàn tất việc kê khai, niêm yết giá theo quy định.

Đơn vị kinh doanh vận tải kê khai chịu trách nhiệm về mức giá, nội dung kê khai; chấp hành bổ sung đầy đủ nội dung kê khai giá và thực hiện báo cáo về mức giá kê khai theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận kê khai giá.

Điều 9. Lệnh vận chuyển

1. Xe buýt tham gia hoạt động trên tuyến phải có lệnh vận chuyển theo quy định. Khi thực hiện chuyển đi, lái xe mang theo lệnh vận chuyển bằng bản giấy hoặc có thiết bị truy cập được nội dung của lệnh vận chuyển điện tử; xuất trình lệnh vận chuyển khi lực lượng chức năng yêu cầu.

2. Lệnh vận chuyển phải thể hiện các thông tin cơ bản sau: Đơn vị kinh doanh vận tải; thông tin về lái xe, nhân viên phục vụ; biển số đăng ký; điểm đầu, điểm cuối, mã số tuyến; giờ xe xuất bến, về bến, sản lượng vé; xác nhận của nhân viên điều hành, thủ trưởng đơn vị kinh doanh vận tải,... để phục vụ công tác quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố.

3. Lệnh vận chuyển do các đơn vị kinh doanh vận tải tự in ấn đảm bảo các thông tin cơ bản quy định tại khoản 2 Điều này.

Riêng lệnh vận chuyển đối với các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách thành phố do Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng phát hành.

4. Đơn vị kinh doanh vận tải có trách nhiệm quản lý, cấp, kiểm tra việc sử dụng lệnh vận chuyển và thực hiện lưu trữ lệnh vận chuyển theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP quy định về hoạt động vận tải đường bộ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

5. Các đơn vị kinh doanh vận tải có trách nhiệm cung cấp thông tin trên lệnh vận chuyển của từng chuyến xe về Hệ thống thông tin, quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của thành phố Đồng Nai

6. Khuyến khích đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện lệnh vận chuyển điện tử đảm bảo các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều này.

Chương IV

HỖ TRỢ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 10. Trợ giá từ nguồn ngân sách thành phố cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Sở Xây dựng căn cứ tình hình kinh tế - xã hội, nhu cầu phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và hỗ trợ người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt cùng các quy định của pháp luật có liên

quan để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện hỗ trợ kinh phí đối với các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 11 Quy định này.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Ngân sách thành phố.

3. Công tác hỗ trợ kinh phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt từ nguồn ngân sách thành phố phải đảm bảo các quy định của pháp luật về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 11. Tiêu chí tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách thành phố

1. Phải có trong danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Nằm trên trục đường nối các khu vực có lưu lượng giao thông lớn hoặc thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông cần có xe buýt hoạt động nhưng không có đơn vị đăng ký khai thác.

3. Có cự ly vận chuyển từ 10 km đến 50 km và không trùng quá 40% cự ly của tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt khác.

4. Việc hỗ trợ kinh phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải phù hợp với khả năng cân đối từ nguồn ngân sách thành phố.

Điều 12. Đấu thầu, đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách thành phố

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan căn cứ các quy định tại Điều 10, Điều 11 Quy định này báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phương án đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giá.

2. Căn cứ phương án được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giá.

3. Thời gian đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố không quá 03 năm đối với tuyến mới và không quá 05 năm đối với tuyến đang khai thác.

4. Hệ số lợi dụng trọng tải khoán tối thiểu để đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ

ngân sách thành phố phải đảm bảo từ 40% trọng tải phương tiện đối với tuyến mở mới và từ 60% trọng tải phương tiện đối với tuyến đang khai thác.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Sở Xây dựng

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Chương trình, đề án, kế hoạch phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố theo từng giai đoạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu đi lại của người dân .

b) Phê duyệt và điều chỉnh, bổ sung danh mục mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nội tỉnh và liên tỉnh trên địa bàn thành phố.

c) Các chính sách hỗ trợ của nhà nước về khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố.

d) Phương án tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố.

đ) Trợ giá và giá vé các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách thành phố trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

e) Định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách thành phố thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

è) Các dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ lãi suất vay vốn theo quy định.

g) Quy trình đặt hàng khai thác đối với tuyến xe buýt không được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố.

2. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe, phương án khai thác tuyến hoặc ngừng hoạt động trên các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách thành phố.

b) Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ khai thác tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí của đơn vị kinh doanh vận tải có hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

c) Kết quả tổ chức đặt hàng khai thác đối với các tuyến xe buýt không được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách thành phố; kết quả tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố theo phương án được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt .

d) Các nội dung phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Nghị định 158/2024/NĐ-CP.

3. Quyền hạn

a) Tổ chức đặt hàng khai thác đối với các tuyến xe buýt không được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách thành phố; đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách thành phố theo phương án được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Công bố mở tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

c) Quyết định giao cho đơn vị kinh doanh vận tải trúng thầu hoặc được đặt hàng đảm nhận khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

d) Quyết định điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe, phương án khai thác tuyến hoặc ngừng hoạt động trên các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố.

đ) Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ khai thác tuyến của đơn vị kinh doanh vận tải có hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố.

e) Công bố mẫu nhà chờ xe buýt áp dụng trong phạm vi thành phố. Quyết định tiêu chí kỹ thuật, vị trí điểm đầu, điểm cuối và điểm dừng của tuyến xe buýt trên địa bàn thành phố.

ê) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc kiểm tra nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố đối với tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí trên địa bàn thành phố.

g) Phối hợp với các ngành chức năng thẩm định các dự án đầu tư trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

h) Quản lý, cấp mới, cấp lại phù hiệu xe buýt theo quy định.

i) Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra công tác tập huấn nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải, công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của người lái xe theo quy định.

k) Quyết định ban hành Nội quy khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 14. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ nguồn thu ngân sách thành phố, tham mưu cân đối dự toán kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo đúng quy định.

Điều 15. Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng

1. Có trách nhiệm trình Sở Xây dựng

a) Kế hoạch hàng năm về phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, bao gồm:

- Sản lượng, luồng tuyến, kinh phí hỗ trợ, điều chỉnh giá vé, đặt hàng khai thác tuyến xe buýt và các dịch vụ liên quan đến hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- b) Danh mục vị trí của hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; mẫu nhà chờ xe buýt áp dụng trong phạm vi thành phố.

- c) Các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- d) Phương án mở tuyến; điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe, phương án khai thác tuyến; thay thế, bổ sung phương tiện hoặc ngừng hoạt động các tuyến xe buýt.

- đ) Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ khai thác tuyến xe buýt của đơn vị kinh doanh vận tải có hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- e) Nội quy khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

2. Quyền hạn

- a) Ký hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được Sở Xây dựng giao đảm nhận khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và thực hiện những nội dung trong hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- b) Điều chỉnh tạm thời hành trình chạy xe các tuyến xe buýt trong thời gian sửa chữa cầu, đường giao thông, có sự thay đổi về tạm thời tổ chức giao thông; điều chỉnh tạm thời biểu đồ chạy xe trong những ngày lễ, tết, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, trong trường hợp thiên tai, bão lụt hoặc trong trường hợp bất khả kháng khác.

- c) Quyết định kế hoạch, hình thức thông tin, tuyên truyền về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tổ chức tuyên truyền để vận động nhân dân đi xe buýt.

- d) Tổ chức triển khai thực hiện Nội quy khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- đ) Hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận tải niêm yết thông tin theo đúng quy định và phù hợp với yêu cầu công tác quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố.

- e) Làm chủ đầu tư các dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới và tổ chức quản lý, thực hiện công tác duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động

vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố theo phân công, giao nhiệm vụ của Sở Xây dựng.

ê) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan để đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh cho các kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thuộc thẩm quyền quản lý.

g) Khai thác kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo các quy định hiện hành.

Nguồn thu từ khai thác kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng được sử dụng theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

h) Khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh trên xe buýt của các đơn vị kinh doanh vận tải phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm và định kỳ tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng theo quy định.

i) Xử lý các trường hợp vi phạm Nội quy khai thác tuyến và hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đã ký kết với các đơn vị kinh doanh vận tải.

Nguồn thu từ xử lý vi phạm hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng được sử dụng theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

k) Kiểm tra, xác nhận sản lượng vận chuyển thực tế của các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách thành phố trên địa bàn thành phố để làm căn cứ thanh quyết toán tiền trợ giá.

Thực hiện các thủ tục thanh toán tiền trợ giá cho đơn vị kinh doanh vận tải khai thác các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách thành phố.

l) Thực hiện công tác điều hành tại các điểm đầu, điểm cuối các tuyến xe buýt trên địa bàn thành phố Đồng Nai được Sở Xây dựng giao nhiệm vụ.

Điều 16. Đơn vị điều hành điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt

1. Thực hiện đúng các quy định về điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt tại Điều 18 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

2. Thực hiện điều hành tuyến xe buýt, cho xe xuất bến đúng biểu đồ chạy xe đã được cơ quan quản lý tuyến công bố.

3. Phối hợp Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng trong công tác quản lý, điều hành, xử lý vi phạm quy định đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố tại điểm đầu, điểm cuối tuyến.

4. Thực hiện báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của tuyến xe buýt về Sở Xây dựng, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng trước

ngày 05 của tháng tiếp theo và báo cáo đột xuất tình hình hoạt động theo yêu cầu của Sở Xây dựng.

Điều 17. Đơn vị kinh doanh vận tải

1. Trách nhiệm

a) Thực hiện các quy định tại Điều 4 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

b) Tổ chức thực hiện đúng theo phương án khai thác tuyến, Nội quy khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt, hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và các quy định đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Chịu trách nhiệm nếu phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe của đơn vị vi phạm các quy định về hoạt động xe buýt.

c) Bố trí đúng, đủ số lượng xe (kể cả xe dự phòng) đảm bảo các quy định tham gia hoạt động trên tuyến theo phương án khai thác tuyến đã được Sở Xây dựng phê duyệt.

d) Bố trí đủ số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo phương án khai thác tuyến đã được Sở Xây dựng phê duyệt (trừ xe buýt có trang thiết bị thay thế nhân viên phục vụ).

đ) Xây dựng quy định nội bộ về đồng phục và thẻ tên cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, thẻ nhận dạng lái xe theo quy định.

Đăng ký mẫu đồng phục và thẻ tên của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe với Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

e) Xây dựng hoặc áp dụng tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách theo quy định hiện hành và đăng ký chất lượng dịch vụ với Sở Xây dựng theo quy định.

ê) Kê khai giá cước vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đúng quy định hiện hành. Niêm yết và thực hiện theo đúng mức giá cước đã kê khai.

g) Thực hiện đúng các quy định hiện hành về lắp đặt, quản lý, khai thác thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh trên xe. Dữ liệu thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh trên xe buýt phải được truyền dẫn về Hệ thống thông tin, quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của thành phố Đồng Nai.

Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập vào phần mềm xử lý dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh của các xe buýt hoạt động trên tuyến và báo cáo khi có thay đổi về thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh của các xe buýt về Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

h) Thường xuyên tổ chức triển khai, quán triệt đến lái xe, nhân viên phục vụ các quy định đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Đồng thời, tổ chức kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

i) Phát hiện, báo cáo kịp thời cho Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng về tình trạng hư hỏng của kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tình hình an ninh trật tự, an toàn giao thông trên tuyến do đơn vị đảm nhận.

k) Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí trợ giá của nhà nước (nếu có) đúng quy định. Đồng thời, phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí trợ giá đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về độ chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán.

l) Thực hiện báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của tuyến xe buýt trước ngày 05 của tháng tiếp theo và báo cáo đột xuất tình hình hoạt động theo yêu cầu của Sở Xây dựng, Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng.

m) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quyền hạn

a) Được hưởng các chính sách ưu đãi đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định hiện hành.

b) Được đảm bảo các điều kiện hoạt động trên tuyến như kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và các thông tin trên các kết cấu này.

c) Khiếu nại việc xử lý vi phạm hợp đồng cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định.

d) Đề xuất với cơ quan quản lý tuyến về việc điều chỉnh phương án khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

đ) Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp, hội nghị liên quan đến công tác quản lý, khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được giao đảm nhận.

Điều 18. Quyền hạn, trách nhiệm của lái xe và nhân viên phục vụ khi tham gia hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT.

2. Có trách nhiệm kiểm tra các thông tin ghi trên lệnh vận chuyển và ký tên xác nhận vào lệnh vận chuyển.

3. Hợp tác, chấp hành việc kiểm tra, kiểm soát của lực lượng làm công tác kiểm tra trên tuyến, điều hành đầu, cuối tuyến khi đang làm nhiệm vụ.

4. Lái xe trên xe phải tham dự tập huấn và được cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải theo quy định.

5. Thực hiện bán vé, giao vé theo đúng mệnh giá vé trên tuyến và thực hiện miễn vé, giảm giá vé cho các đối tượng hành khách theo quy định.

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Quyền hạn và trách nhiệm của hành khách đi xe buýt

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT. Ngoài ra, hành khách có trách nhiệm:

a) Giúp đỡ và nhường ghế ngồi cho người già, trẻ em, phụ nữ có thai, người có con nhỏ, người khuyết tật.

b) Xuất trình vé khi có yêu cầu kiểm soát của người có thẩm quyền, trường hợp hành khách làm mất vé thì phải mua lại vé.

c) Phải giữ vệ sinh trên xe, tại các điểm dừng, nhà chờ xe buýt; không được mang theo hàng cấm, hàng dễ cháy nổ, hàng tanh hôi hoặc động vật sống là hàng hóa.

2. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, Giám đốc Trung tâm Quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường cùng các đơn vị có liên quan đề xuất biện pháp xử lý trình Ủy ban nhân dân thành phố.